Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7308.40.90

Mã HS	7308.40.90
Mô tả hàng hóa	Các kết cấu (trừ nhà lắp ghép thuộc nhóm 94.06) và các bộ phận rời của các kết cấu (ví dụ, cầu và nhịp cầu, cửa cống, tháp, cột lưới, mái nhà, khung mái, cửa ra vào, cửa sổ, và các loại khung cửa, ngưỡng cửa ra vào, cửa chớp, lan can, cột trụ và các loại cột khác), bằng sắt hoặc thép; tấm, thanh, góc, khuôn, hình, ống và các loại tương tự, đã được gia công để dùng làm kết cấu, bằng sắt hoặc thép / - Thiết bị dùng cho giàn giáo, ván khuôn, vật chống hoặc cột trụ chống hầm lò: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 17:12:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73084090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11730
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11730
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11730
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, ID, MM)	0% (trừ KH, ID, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11071
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11014
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11014
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11014
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11014
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11014
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11014
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11066
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11066
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11066
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11066

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11066
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11066
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11067
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11067
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11067
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11067
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11067
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11067
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11068
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11020
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11026
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11026
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11026
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11026
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11026
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11026
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11055
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11055
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11055
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11055
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11055
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11055
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11104
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11104
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11104
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11104

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11104
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11104
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11089
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11089
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11089
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11089
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11089
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11089
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D11089
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E11089
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F11089
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G11089
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H11089
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11089
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11106
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11106
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11106
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11106
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11106
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11106
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11105
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11105
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11105
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11105
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11105
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11105

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11052
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11052
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11052
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11052
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11052
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11052
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11052
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11089
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11089
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11089
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11089
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11089
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11089
RCEP B	2022	2022	0	B!D11089
RCEP B	2023	2023	0	B!E11089
RCEP B	2024	2024	0	B!F11089
RCEP B	2025	2025	0	B!G11089
RCEP B	2026	2026	0	B!H11089
RCEP B	2027	2027	0	B!I11089
RCEP C	2022	2022	0	C!D11089
RCEP C	2023	2023	0	C!E11089
RCEP C	2024	2024	0	C!F11089
RCEP C	2025	2025	0	C!G11089
RCEP C	2026	2026	0	C!H11089
RCEP C	2027	2027	0	C!I11089
RCEP D	2022	2022	0	D!D11088

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E11088
RCEP D	2024	2024	0	D!F11088
RCEP D	2025	2025	0	D!G11088
RCEP D	2026	2026	0	D!H11088
RCEP D	2027	2027	0	D!I11088
RCEP E	2022	2022	0	E!D11092
RCEP E	2023	2023	0	E!E11092
RCEP E	2024	2024	0	E!F11092
RCEP E	2025	2025	0	E!G11092
RCEP E	2026	2026	0	E!H11092
RCEP E	2027	2027	0	E!I11092
RCEP F	2022	2022	0	F!D11089
RCEP F	2023	2023	0	F!E11089
RCEP F	2024	2024	0	F!F11089
RCEP F	2025	2025	0	F!G11089
RCEP F	2026	2026	0	F!H11089
RCEP F	2027	2027	0	F!I11089
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F10271
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G10271
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H10271
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I10271

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7308.40 có 2 dòng thuế; dòng 7308.40.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7308.40.10 Dạng cấu kiện tiền chế được lắp ráp bằng các khớp nối (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7308.40.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7308.40.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11730), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.